

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang
thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông
giai đoạn 2021 - 2025****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH15 ngày 11/7/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên của Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kết luận số 41-KL/BCSĐ ngày 13/7/2022 của Ban cán sự đảng Bộ

Giao thông vận tải về việc giao chủ đầu tư các dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ văn bản số 232/BC-MTTQ-BTT ngày 10/5/2022 của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Khánh Hòa về việc tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1156/QĐ-BTNMT ngày 01/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 1692/TTr-BQLDA7 ngày 24/6/2022 của Ban Quản lý dự án 7 về việc trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản số 1701/BQLDA7-KTTĐ ngày 24/6/2022 của Ban Quản lý dự án 7 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến về hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án; Báo cáo thẩm tra số 139/BCTTr-UCT-UTCT ngày 24/6/2022 của Tư vấn thẩm tra; kèm theo hồ sơ dự án do tư vấn thiết kế lập tháng 6/2022;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông tại Báo cáo kết quả thẩm định số 237/CQLXD-DAĐT2 ngày 30/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 7.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu

4.1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông; kết nối các trung tâm kinh tế, chính trị, các khu kinh tế, khu công nghiệp trọng yếu, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm; từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với các công trình hiện đại, tạo sức lan tỏa cao để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an

Handwritten signature

ninh; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra.

4.2. Phạm vi dự án

- Điểm đầu (Km285+000) kết nối đường dẫn cửa phía Nam hầm Cỏ Mã, thuộc địa phận huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Điểm cuối (tại khoảng Km368+350) kết nối điểm đầu Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nha Trang - Cam Lâm thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, thuộc địa phận huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Tổng chiều dài tuyến khoảng 83,35km.

4.3. Quy mô đầu tư xây dựng

4.3.1. Đường cao tốc

a) Cấp đường

Giai đoạn hoàn chỉnh là đường cao tốc cấp 120, vận tốc thiết kế $V_{tk}=120\text{km/h}$ theo tiêu chuẩn TCVN 5729 - 2012 “Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế”.

Giai đoạn phân kỳ các yếu tố hình học (bình đồ, trắc dọc) đạt tiêu chuẩn đường cao tốc cấp 120, quy mô 04 làn xe theo tiêu chuẩn TCCS 42:2022/TCĐBVN “Đường ô tô cao tốc - Thiết kế và tổ chức giao thông trong giai đoạn phân kỳ đầu tư xây dựng”.

b) Mặt cắt ngang

Giai đoạn hoàn chỉnh quy mô 6 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền}=32,25\text{m}$. Giai đoạn phân kỳ quy mô 4 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền}=17\text{m}$.

c) Mặt đường

- Tuyến chính: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 194\text{Mpa}$.

- Các nhánh nút giao liên thông: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$.

d) Công trình cầu

- Công trình cầu thiết kế bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực theo các tiêu chuẩn TCVN 11823 - 1:2017 đến TCVN 11823 - 14:2017 “Thiết kế cầu đường bộ”.

- Khổ cầu phù hợp khổ nền đường; tải trọng thiết kế HL93.

đ) Nút giao: Xây dựng các nút giao liên thông và trực thông (cầu vượt hoặc hầm chui) bảo đảm khai thác an toàn, kết nối, đi lại thuận lợi.

e) Tần suất thiết kế: Thiết kế đảm bảo tần suất $P = 1\%$.

4.3.2. Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh

- Cấp đường, mặt cắt ngang: Phù hợp với đường hiện hữu, tối thiểu là đường giao thông nông thôn cấp B.

- Tần suất thiết kế: Tần suất thiết kế theo quy định của cấp đường hoặc phù hợp với hiện trạng khai thác.

- Mặt đường: Bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với

kết cấu mặt đường hiện trạng.

4.3.3. Hoàn trả Quốc lộ 1, Quốc lộ 27C: Theo quy mô đường hiện trạng, kết cấu mặt đường cấp cao A1, tần suất thiết kế đảm bảo yêu cầu của cấp đường.

4.3.4. Công trình phục vụ khai thác: Đầu tư xây dựng một số hạng mục hạ tầng của hệ thống giao thông thông minh.

4.4. Giải pháp thiết kế chủ yếu

4.4.1. Hướng tuyến, bình đồ

- Từ vị trí điểm đầu, nối tiếp đường dẫn cửa phía Nam hầm Cỗ Mã, tuyến đi về phía thượng lưu hồ Suối Lớn, men theo sườn núi và đi tránh khu vực khai thác vật liệu xây dựng Tân Dân về phía Đông qua địa bàn xã Vạn Phú, huyện Vạn Ninh sau đó vượt sông Hiền Lương sang địa phận xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh. Tuyến tiếp tục đi qua địa phận xã Ninh Sơn và xã Ninh An sau đó vượt sông Lốp, sông Tân Lâm, Quốc lộ 26 và sông Cái Ninh Hòa sang địa phận xã Ninh Bình, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa. Sau đó tuyến vượt sông Cái Nha Trang sang địa phận xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh. Sau khi đi cắt qua Quốc lộ 27C tuyến kết nối với điểm đầu Dự án thành phần đoạn Nha Trang - Cam Lâm tại vị trí nút giao liên thông với Quốc lộ 27C.

- Bình diện tuyến thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, phù hợp với các quy hoạch có liên quan, các điểm khống chế, giảm thiểu tối đa khối lượng giải phóng mặt bằng, cơ bản tránh các khu đông dân cư, rừng, đất quốc phòng... đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, hài hòa với cảnh quan trong khu vực.

4.4.2. Trắc dọc

Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của đường ô tô cao tốc, có xét đến giải pháp đầu tư giai đoạn hoàn chỉnh, đảm bảo tần suất thiết kế, thoát lũ, phù hợp với điều kiện địa hình khu vực tuyến, hạn chế đào sâu, đắp cao, đáp ứng tình hình không yêu cầu tại các vị trí giao cắt với đường quốc lộ, đường địa phương, đảm bảo êm thuận trong quá trình vận hành, giảm thiểu khối lượng đào, đắp, đáp ứng yêu cầu kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài.

4.4.3. Mặt cắt ngang

a) Đường cao tốc

- Giai đoạn phân kỳ đầu tư bố trí lệch về phía bên phải theo mặt cắt ngang giai đoạn hoàn chỉnh; đảm bảo tối ưu, hiệu quả, kinh tế - kỹ thuật, thuận lợi, tiết kiệm khi mở rộng giai đoạn hoàn chỉnh ($B_{nền}=32,25m$, bao gồm 06 làn xe cơ giới, $B_{mặt}=6 \times 3,75m$; dải phân cách giữa $B_{pc}=0,75m$; dải an toàn trong $B_{att}=2 \times 0,75m$; dải dừng xe khẩn cấp $2 \times 3,0m$; $B_{lề}=2 \times 0,75m$).

- Chiều rộng nền đường $B_{nền}=17,0m$, trong đó: Mặt đường xe chạy $B_{mặt}=4 \times 3,5m=14,0m$; dải phân cách giữa $B_{pc}=0,5m$; dải an toàn trong $B_{att}=2 \times 0,5m=1,0m$; dải an toàn ngoài $B_{atn}=2 \times 0,25m=0,5m$; lề đất $B_{lề}=2 \times 0,5m=1,0m$ (các đoạn đào sâu, đắp cao, trong bước thiết kế tiếp theo cần tiếp tục nghiên cứu bề rộng nền, mặt đường phù hợp, đảm bảo thuận lợi khi mở rộng theo quy mô hoàn chỉnh).

- Đoạn dừng xe khẩn cấp: Bố trí không liên tục, với khoảng cách 4,0 - 5,0km/vị trí tuân thủ TCCS 42:2022/TCĐBVN.

b) Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh: Bề rộng nền, mặt đường tối thiểu $B_{\text{nền}}=5,0\text{m}/B_{\text{mặt}}=3,5\text{m}$.

c) Hoàn trả quốc lộ: Theo mặt cắt ngang đường hiện hữu.

4.4.4. Nền đường

a) Tuyến cao tốc

- Nền đường đắp

+ Đảm bảo yêu cầu về độ chặt và khả năng chịu tải của đất nền theo tiêu chuẩn áp dụng cho đường ô tô cao tốc. Trước khi đắp nền đường thực hiện đào bỏ lớp đất không thích hợp và đánh cấp (nếu có).

+ Độ dốc mái taluy bên phải (bên hoàn thiện) áp dụng là 1/2; độ dốc mái taluy bên trái (bên phân kỳ) áp dụng là 1/1,5; đối với các vị trí đắp cao trên 8,0m, nền đường được giạt cấp, giữa các cấp tạo một bậc thêm rộng $B=2,0\text{m}$.

- Nền đường đào: Ta luy nền đường độ dốc từ 1/0,5 đến 1/1,5 tùy thuộc vào điều kiện địa chất. Khi chiều sâu đào $> 8\text{m}$ được đào giạt cấp, chiều cao mỗi bậc từ 8 - 12m (theo địa chất), giữa các bậc bố trí rãnh bậc rộng 2m.

b) Đường gom, đường ngang, đường hoàn trả: Theo yêu cầu kỹ thuật của cấp đường tương ứng.

4.4.5. Mặt đường

a) Đường cao tốc: Mặt đường cấp cao A1; lớp mặt trên bằng hỗn hợp bê tông nhựa cải thiện, lớp mặt chịu lực bằng bê tông nhựa chặt; tầng móng trên bằng các lớp hỗn hợp gia cố nhựa, hỗn hợp gia cố xi măng; tầng móng dưới bằng cấp phối đá dăm đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 194\text{MPa}$; các nhánh nút giao liên thông: Mặt đường cấp cao A1, lớp mặt bê tông nhựa chặt rải nóng trên các lớp móng bằng cấp phối đá dăm đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{MPa}$.

b) Đường ngang, đường gom, đường hoàn trả: Mặt đường bằng bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng trên các lớp móng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

4.4.6. Thiết kế giao cắt

a) Giao cắt liên thông

Đầu tư xây dựng 04 nút giao liên thông khác mức đảm bảo các nhánh kết nối phù hợp với quy mô giai đoạn hoàn chỉnh.

- Nút giao với đường dẫn cửa phía Nam hầm Cổ Mã: Đầu tư xây dựng các nhánh rẽ, cầu vượt kết hợp với các nhánh nút giao hiện trạng để kết nối tuyến cao tốc với Quốc lộ 1 và hầm Cổ Mã.

- Nút giao Vạn Giã kết nối với Quốc lộ 1: Đầu tư xây dựng nút giao dạng Trumpet, tuyến nhánh từ Quốc lộ 1 kết nối với đường cao tốc bằng cầu vượt và 04 nhánh rẽ.

- Nút giao với Quốc lộ 26: Đầu tư xây dựng nút giao dạng hình thoi (xây

dựng 04 nhánh ra, vào đường cao tốc kết nối Quốc lộ 26), tuyến chính vượt qua Quốc lộ 26 bằng cầu vượt.

- Nút giao với Quốc lộ 27C: Nút giao dạng Trumpet, đầu tư hạng mục cầu vượt và 03 nhánh rẽ (dự án thành phần đoạn Nha Trang - Cam Lâm đầu tư toàn bộ nhánh rẽ trực tiếp từ cao tốc hướng Thành phố Hồ Chí Minh - Hà Nội ra Quốc lộ 27C, bao gồm trạm thu phí và một phần tuyến chính).

b) Giao cắt trực thông

- Cầu vượt trực thông: Xây dựng 08 cầu trên các đường ngang vượt qua đường cao tốc; cầu vượt thiết kế đảm bảo phù hợp với giai đoạn mở rộng đường cao tốc theo quy mô quy hoạch.

- Hàm chui dân sinh: Đầu tư xây dựng 85 hàm chui trên tuyến; kết cấu bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, móng trên nền thiên nhiên hoặc trên hệ cọc bê tông cốt thép. Số lượng, vị trí hàm chui dân sinh sẽ được tiếp tục nghiên cứu trong bước thiết kế tiếp theo.

4.4.7. Công trình cầu

Đầu tư xây dựng 34 công trình cầu, trong đó: 21 cầu trên đường cao tốc, 08 cầu trên các tuyến đường ngang vượt cao tốc, 05 cầu trong các nút giao liên thông.

a) Mặt cắt ngang cầu

- Cầu trên đường cao tốc: Bề rộng cầu $B_{\text{cầu}}=17,5\text{m}$; gồm 4 làn xe cao tốc $4 \times 3,5\text{m}=14,0\text{m}$; dải phân cách giữa và dải an toàn $3 \times 0,5\text{m}+2 \times 0,5\text{m}=2,5\text{m}$; lan can $2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$.

- Cầu vượt trực thông: Bề rộng cầu phù hợp với quy mô đường hiện hữu, có xem xét để phù hợp với quy hoạch.

- Cầu trong nút giao liên thông, cầu trên nhánh giao: Bề rộng cầu phù hợp với quy mô các nhánh kết nối.

- b) Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm bê tông cốt thép dự ứng lực (dầm bản, dầm I, dầm Super-T và các loại dầm khác).

- c) Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng bê tông cốt thép trên nền thiên nhiên hoặc hệ móng cọc bê tông cốt thép. Kết cấu móng, mố trụ, chiều dài cọc sẽ được xác định chính xác trong bước thiết kế tiếp theo.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

4.4.8. Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước ngang: Xây dựng hệ thống thoát nước ngang bảo đảm thoát nước và phục vụ thủy lợi.

- Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng mới hệ thống rãnh dọc, rãnh biên, rãnh đỉnh, bậc nước... bảo đảm thoát nước nền, mặt đường.

- Hoàn trả kênh, mương đối với các đoạn tuyến đi trùng hệ thống kênh, mương hiện hữu.

4.4.9. Đường gom, đường ngang, hoàn trả đường dân sinh: Đầu tư xây dựng hệ thống đường gom, đường hoàn trả dọc hai bên tuyến (không liên tục) với quy mô tối thiểu theo quy mô đường giao thông nông thôn cấp B; kết cấu mặt đường láng nhựa, bê tông xi măng phù hợp với hiện trạng. Chiều dài, phạm vi, kết cấu mặt đường sẽ được tiếp tục xác định chính xác trong bước thiết kế tiếp theo.

4.4.10. Hoàn trả các tuyến quốc lộ: Quốc lộ 1 khoảng 1,8km; Quốc lộ 27C khoảng 1,7km.

4.4.11. Công trình phục vụ khai thác

a) Hệ thống giao thông thông minh (ITS): Đầu tư xây dựng một số hạng mục hạ tầng của hệ thống giao thông thông minh (bể cáp, ống bảo vệ cáp, bệ móng cột).

b) Trạm dừng nghỉ

- Trong Dự án không đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ, chỉ hoạch định vị trí, quy mô để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

- Vị trí dự kiến tại khoảng Km334+900 (bố trí hai bên đường cao tốc). Vị trí chính thức sẽ được quyết định trong bước tiếp theo sau khi thỏa thuận cụ thể với địa phương.

- Quy mô trạm Loại 1 theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4.4.12. Các công trình khác

- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; dải phân cách giữa bằng bê tông cốt thép.

- Hàng rào: Bố trí hàng rào bảo vệ dọc theo hai bên tuyến.

- Công trình phòng hộ: Gia cố nền đường bằng trồng cỏ, khung bê tông, lưới thép cường độ cao kết hợp đinh neo, đá hộc xây... bảo đảm ổn định công trình.

- Tường chắn: Bố trí tường chắn bê tông cốt thép tại các vị trí hạn chế về mặt bằng hoặc địa hình khó khăn.

- Điện chiếu sáng: Bố trí tại các nút giao liên thông và các công trình cầu chiều dài lớn có yêu cầu thiết kế cảnh quan.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP; Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Cầu đường; Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Giao thông 5; Công ty TNHH Tư vấn thiết kế BR và Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tân Phong.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm: huyện Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa, huyện Khánh Vĩnh và huyện Diên Khánh tỉnh Khánh Hòa.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 625ha.

7. Nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế

- Nhóm dự án: Dự án quan trọng quốc gia.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp I.
- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Thiết kế 03 bước: Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn: Theo Quyết định số 808/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư: 11.808,02 tỷ đồng (*Mười một nghìn, tám trăm linh tám tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đã bao gồm dự phòng):	2.200,98 tỷ đồng
- Chi phí xây dựng:	7.907,64 tỷ đồng
- Chi phí thiết bị:	4,70 tỷ đồng
- Chi phí quản lý dự án:	39,33 tỷ đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	340,41 tỷ đồng
- Chi phí khác:	228,94 tỷ đồng
- Chi phí dự phòng:	1.086,02 tỷ đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện Dự án từ năm 2021, cơ bản hoàn thành năm 2025 và đưa vào khai thác, vận hành từ năm 2026.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội.

- Dự kiến phân bổ vốn theo tiến độ Dự án và Nghị quyết số 44/2022/QH15 của Quốc hội:

+ Giai đoạn 2021 - 2025 bố trí 9.612 tỷ đồng, trong đó năm 2022: 2.049 tỷ đồng; năm 2023: 2.238 tỷ đồng; năm 2024: 2.490 tỷ đồng; năm 2025: 2.835 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2026 - 2027 bố trí 2.196,02 tỷ đồng, trong đó năm 2026: 1.318 tỷ đồng; năm 2027: 878,02 tỷ đồng.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Áp dụng hình thức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Hau

- Giải phóng mặt bằng cho quy mô 06 làn xe theo Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.

- Phạm vi được xác định theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Tổng diện tích thu hồi đất khoảng 625ha.

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đã bao gồm dự phòng): 2.200,98 tỷ đồng.

- Tổ chức thực hiện: Tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành tiểu dự án riêng, do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

14. Các nội dung khác

Ban Quản lý dự án 7 chịu trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Báo cáo thẩm định số 237/CQLXD-DAĐT2 ngày 30/6/2022 của Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông.

- Lập kế hoạch, tiến độ tổng thể, chi tiết để triển khai Dự án, tuân thủ quy định, phù hợp với tiến độ triển khai, hoàn thành Dự án theo Nghị quyết số 44/2022/QH15, Nghị quyết số 18/NQ-CP và kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- Xây dựng, đăng ký nhu cầu vốn hàng năm đảm bảo cân đối, bố trí đủ vốn cho Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và các đơn vị có liên quan để kiểm tra, rà soát, đảm bảo khối lượng giải phóng mặt bằng phù hợp với hồ sơ thiết kế được phê duyệt, đảm bảo chặt chẽ về thủ tục, tuân thủ quy định.

- Tổ chức khảo sát chi tiết, thu thập các số liệu về địa hình, địa chất, thủy văn làm cơ sở để chuẩn xác các giải pháp thiết kế; rà soát, bổ sung tính toán thủy văn để xác định ảnh hưởng ngập úng và khả năng thoát lũ tổng thể trên toàn tuyến và khu vực lân cận, đề xuất giải pháp xử lý cho phù hợp; xác định cụ thể phạm vi đường gom, đường công vụ... và các công trình phụ trợ thi công.

- Làm việc với địa phương, xác định cụ thể, chuẩn xác nguồn cung cấp vật liệu, vị trí đổ vật liệu thừa trong quá trình thi công.

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng, so sánh lựa chọn giải pháp thiết kế phù hợp, đặc biệt là áp dụng các giải pháp, công nghệ mới bảo đảm tối ưu về kinh tế - kỹ thuật.

- Đối với công trình cầu: Trên cơ sở số liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn chi tiết, lựa chọn giải pháp móng, dầm, sơ đồ nhịp, vị trí công trình phù hợp và tính toán thiết kế đảm bảo đủ khả năng chịu lực và tối ưu về kinh tế - kỹ thuật.

- Đối với kết cấu mặt đường: Thí nghiệm xác định đầy đủ tính chất cơ lý của vật liệu dự kiến sử dụng, bố trí các lớp vật liệu phù hợp và tính toán xác định chính xác chiều dày các lớp kết cấu áo đường.

- Quản lý chặt chẽ chất lượng, tiến độ và chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm tuân thủ quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện bảo vệ môi trường theo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1156/QĐ-BTNMT ngày 01/6/2022 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý dự án 7 thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ đầu tư trong việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, lựa chọn nhà thầu để triển khai thực hiện Dự án tuân thủ quy định; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trong quá trình quản lý, thực hiện Dự án, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt, Ban Quản lý dự án 7 khẩn trương chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát, cập nhật hồ sơ thiết kế cắm cọc giải phóng mặt bằng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ và hoàn thiện các thủ tục liên quan, bàn giao cho các Chủ đầu tư tiểu dự án thành phần giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện Dự án đảm bảo tiến độ yêu cầu.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Vụ trưởng các vụ: Kế hoạch - Đầu tư, Đối tác công - tư, Kết cấu hạ tầng giao thông, Khoa học - Công nghệ, Môi trường, Tài chính; Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông; Giám đốc Ban Quản lý dự án 7 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Lê Đình Thọ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước TW;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Các đơn vị có liên quan (Ban QLDA 7 sao gửi);
- Lưu: VT, CQLXD (03).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Lâm

PHỤ LỤC

Dự kiến phương án xây dựng công trình cầu thuộc Dự án thành phần đoạn Vân Phong – Nha Trang
(Kèm theo Quyết định số 913/QĐ-BGTVT ngày 13 / 07/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)	Kết cấu nhịp
Cầu trên tuyến chính						
1	Cầu Tu Bông	Km290+057	3x33	112,80	17,5	Dầm I
2	Cầu Suối Hàng	Km294+495	1x33	47,10	17,5	Dầm I
3	Cầu Đồng Điền	Km300+685	39,1+40+39,1	130,40	17,5	Dầm Super - T
4	Cầu Chà Là	Km303+650	1x24	38,10	17,5	Dầm bản
5	Cầu Hiền Lương	Km306+027	39,1+40+39,1	130,40	17,5	Dầm Super - T
6	Cầu Suối Cát 1	Km320+355	1x24	35,10	17,5	Dầm bản
7	Cầu Sông Lốp	Km322+600	5x33	176,30	17,5	Dầm I
8	Cầu Tân Lâm	Km326+759	3x24	82,21	17,5	Dầm I
9	Cầu vượt QL26	Km332+096	39,15+40+39,15	134,50	17,5	Dầm Super - T
10	Cầu Sông Cái 1	Km332+679	39,15+3x40+39,15	214,85	17,5	Dầm Super - T
11	Cầu Bò Đội	Km342+826	2x33	78,15	17,5	Dầm I
12	Cầu Ninh Tân 1	Km343+703	7x40	283,9	17,5	Dầm Super - T
13	Cầu Ninh Tân 2	Km344+429	11x40	443,9	17,5	Dầm Super - T
14	Cầu vượt ĐT.652H - 1	Km345+994	2x40	83,85	17,5	Dầm Super - T
15	Cầu Khánh Bình	Km346+401	17x40	687,2	17,5	Dầm Super - T
16	Cầu Cà Hon	Km353+260	3x33	111,2	17,5	Dầm I
17	Cầu vượt ĐT.652H - 2	Km353+673	1x18	28,1	17,5	Dầm bản
18	Cầu Sông Chò	Km353+871	3x33	109,2	17,5	Dầm I
19	Cầu vượt ĐT.653E	Km362+035	1x15	27,1	17,5	Bản
20	Cầu Sông Cái 2	Km362+221	5x33	175,2	17,5	Dầm I

Huân

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)	Kết cấu nhịp
21	Cầu vượt ĐT.652	Km362+589	1x18	30,1	17,5	Dầm bản
Cầu vượt ngang						
1	Cầu Hoa Sơn	Km290+695	39,1+3x40+39,1	213,4	7,5	Dầm Super - T
2	Cầu ĐT.651D	Km304+202	39,1+3x40+39,1	213,4	12,0	Dầm Super - T
3	Cầu ĐT.651E	Km311+835	39,1+40+39,1	130,9	9,0	Dầm Super - T
4	Cầu vượt ĐT.65D	Km319+680	39,1+3x40+39,1	212,5	12,0	Dầm Super - T
5	Cầu Suối Cát 2 (hoàn trả cầu vượt ĐT.65D)	Km319+680	1x12	25,1	12,0	Dầm bản
6	Cầu Thân Trung Thượng	Km326+290	39,1+42,5+45+42,5+39,1	220,5	9,0	Dầm Super - T
7	Cầu ĐT.652G	Km339+200	1x40	54,4	12,0	Dầm Super - T
8	Cầu QL27C	Km363+917	39,3+40+42,5+45 +42,5+40+39,15	300,65	12,0	Dầm Super - T
Cầu trong nút giao						
1	Cầu Cổ Mã (Trên nhánh 1 nút giao hầm Cổ Mã)	Km0+686	33+45+33+24	152,2	11,5	Dầm hộp
2	Cầu Ninh Mã 1 (Trên nhánh 2 nút giao hầm Cổ Mã)	Km0+155	2x9,5	26,7	7	Dầm bản
3	Cầu Ninh Mã 2 (Trên đường gom nút giao hầm Cổ Mã)	Km0+153	1x18	25,1	5	Dầm bản
4	Cầu Vạn Giã	Km299+812	39,15+42,5+45+42,5+39,15	224,5	13,5	Dầm Super - T
5	Cầu vượt QL27C	Km368+286	39,15+42,5+45+42,5+39,15	224,5	13,5	Dầm Super - T

